



Số và ký hiệu: 40-CTr/TU
Ký bởi: Tỉnh ủy Lâm Đồng
Thời gian ký: 24/08/2026 10:53:17

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số **40** -CTr/TU

Lâm Đồng, ngày **24** tháng 8 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của
Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động
số 34-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng
và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (*viết tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TW*) và Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam thành quốc gia biển mạnh (*viết tắt là Chương trình hành động số 34-CTr/TW*), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa I) ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động số 34-CTr/TW, với các nội dung như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tỉnh Lâm Đồng sau sáp nhập có chiều dài đường bờ biển khoảng 192 km, diện tích vùng biển khoảng 20.288 km², sở hữu nhiều tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên và không gian phát triển biển. Tỉnh có vùng nội thủy rộng, là điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi biển công nghệ cao, khai thác và dịch vụ thủy sản; có tuyến hàng hải nội địa và quốc tế đi qua; là một trong ba ngư trường trọng điểm của cả nước; có 11 đảo lớn, nhỏ, trong đó đặc khu Phú Quý giữ vị trí chiến lược về phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh, Hòn Hải là điểm A6 trên đường cơ sở quốc gia. Ngoài khơi có tiềm năng dầu khí, năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió ngoài khơi cùng các dạng năng lượng biển khác như sóng, thủy triều và dòng chảy. Khu vực ven biển giàu tài nguyên khoáng sản, nổi bật là sa khoáng titan - zircon với trữ lượng lớn; đồng thời có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển du lịch biển, dịch vụ, logistics, cảng biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của biển đối với sự phát triển của tỉnh, trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; từng bước cụ thể hóa chủ trương, đường lối

của Đảng vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sau hợp nhất, Tỉnh uỷ Lâm Đồng (khóa I) tiếp tục kế thừa những kết quả đạt được, đồng thời xác định phát triển kinh tế biển là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Chương trình hành động số 01-CTr/TU của Tỉnh uỷ.

Qua 08 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, nhận thức của các cấp, các ngành và Nhân dân về vị trí, vai trò của biển và phát triển kinh tế biển ngày càng được nâng cao; công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai đồng bộ; hệ thống cơ chế, chính sách từng bước được hoàn thiện; kinh tế thủy sản phát triển ổn định, cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch theo hướng tích cực; hạ tầng nghề cá được đầu tư tương đối đồng bộ, hiệu quả; nhiều dự án lớn trong lĩnh vực du lịch, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, dịch vụ biển được thu hút đầu tư, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng vùng biển và ven biển được quan tâm; quản lý tài nguyên, môi trường biển từng bước được tăng cường; quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội trên biển cơ bản được bảo đảm.

Tuy nhiên, kinh tế biển của tỉnh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; quy mô và tỷ trọng kinh tế biển trong GRDP của tỉnh còn thấp; kết cấu hạ tầng biển và ven biển chưa đồng bộ; phát triển các ngành kinh tế biển mới, nhất là điện gió ngoài khơi, nuôi biển công nghệ cao, logistics và dịch vụ cảng biển còn gặp nhiều khó khăn về cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư; nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực biển chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng nguồn nhân lực biển còn hạn chế; công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển, thích ứng với biến đổi khí hậu còn nhiều thách thức; tình trạng khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) chưa được khắc phục triệt để.

Trong bối cảnh cả nước triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động số 34-CTr/TW, tỉnh Lâm Đồng đứng trước những thuận lợi, cơ hội lớn để phát huy tiềm năng, lợi thế, xây dựng và phát triển tỉnh trở thành địa phương mạnh về biển, đồng thời cũng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Vì vậy, việc xây dựng Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế biển xanh, hiện đại, bền vững, đưa kinh tế biển trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững của tỉnh, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

II. QUAN ĐIỂM

1. Biển, đảo là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, phát triển và cửa ngõ hội nhập quốc tế; xây dựng và phát triển Lâm Đồng trở thành tỉnh mạnh về biển là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của

cả hệ thống chính trị, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển, đảo.

2. Chuyển mạnh từ tư duy khai thác biển sang quản trị biển hiện đại, tổng hợp, thống nhất, dựa trên hệ sinh thái, dữ liệu và khoa học; tổ chức phát triển không gian biển - ven biển - hải đảo đồng bộ với không gian đất liền, các hành lang kinh tế và cực tăng trưởng của tỉnh.

3. Phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, tuần hoàn và phát thải thấp; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nguồn nhân lực chất lượng cao và khu vực kinh tế tư nhân làm động lực quan trọng; ưu tiên các ngành có lợi thế và giá trị gia tăng cao.

4. Tổ chức không gian phát triển theo cấu trúc “*cao nguyên - trung du - duyên hải*”, gắn kết chặt chẽ giữa biển, cao nguyên và biên giới, bảo đảm khai thác hiệu quả lợi thế so sánh của từng vùng, đồng thời mở rộng không gian phát triển hướng biển thông qua đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông kết nối, khai thác hợp lý quỹ đất ven biển, phát triển đô thị ven biển và lân cận tại các khu vực có điều kiện phù hợp. Trong đó, khu vực duyên hải là không gian động lực tăng trưởng mới, ưu tiên phát triển kinh tế biển, du lịch nghỉ dưỡng, khu kinh tế đặc biệt tỉnh Lâm Đồng⁽¹⁾, công nghiệp, năng lượng và hệ thống đô thị ven biển, từng bước hình thành các cực tăng trưởng gắn với mở rộng không gian phát triển hướng ra biển. Ưu tiên phát triển hạ tầng chiến lược, nhất là giao thông, năng lượng, hạ tầng số, thủy lợi và hạ tầng phòng chống thiên tai.

5. Người dân vùng biển, ven biển và hải đảo là chủ thể, trung tâm và đối tượng thụ hưởng; bảo đảm tiếp cận hạ tầng, dịch vụ thiết yếu, sinh kế bền vững, an sinh xã hội, giữ gìn văn hóa biển và phát huy thế trận lòng dân trong xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng được nền tảng cơ bản để phát triển Lâm Đồng trở thành tỉnh mạnh về biển của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên và không gian biển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái biển dựa trên đổi mới tư duy quản trị biển, ứng dụng khoa học, công nghệ, dữ liệu số. Phát huy được lợi thế, hình thành các ngành kinh tế biển mũi nhọn, động lực và không gian phát triển mới, có đóng góp quan trọng tăng trưởng của tỉnh. Đời sống Nhân dân vùng biển, hải đảo được cải thiện và nâng cao; văn hoá biển được gìn giữ và phát huy. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo được giữ vững.

⁽¹⁾ Theo điểm 3 Kết luận số 757-KL/TU ngày 30/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 29/7/2026.

b) Mục tiêu cụ thể

- *Về kinh tế*: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của tỉnh phấn đấu đạt 10,5%/năm⁽²⁾. GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 theo giá hiện hành khoảng 210 triệu đồng/người (tương đương khoảng 8.000 USD)⁽³⁾. Phát triển điện gió ngoài khơi đạt 02 GW⁽⁴⁾; tốc độ tăng trưởng tổng thu du lịch biển, đảo bình quân 14%/năm; phát triển mạnh nuôi biển, tăng giá trị sản xuất nuôi biển bình quân 8%/năm, tỉ trọng nuôi biển trong tổng giá trị sản xuất thủy sản đạt 15%.

- *Về phát triển không gian biển, hạ tầng biển*: Hình thành trung tâm du lịch biển quốc gia, khu kinh tế đặc biệt tỉnh Lâm Đồng, các khu công nghiệp ven biển, cụm công nghiệp nuôi biển công nghệ cao gắn với hệ thống cảng biển, logistics hiện đại theo quy hoạch. Hoàn thành 100% tuyến đường bộ ven biển theo quy hoạch; đặc khu Phú Quý được đầu tư hạ tầng thiết yếu đồng bộ.

- *Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*: Tiếp cận, ứng dụng nhanh khoa học công nghệ biển hiện đại. Hình thành hạ tầng đồng bộ kết nối cơ sở dữ liệu biển quốc gia. Tỷ lệ số hóa, tích hợp và chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường, hạ tầng và hoạt động kinh tế biển đạt 100% trong hệ thống quản lý nhà nước.

- *Về quản trị không gian biển, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững*: Hoàn thành 100% phân vùng chức năng biển cho từng ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo lộ trình của Trung ương. Diện tích bảo tồn biển đạt tối thiểu 6% tổng diện tích vùng biển tỉnh quản lý; thành lập và tổ chức quản lý hiệu quả các khu bảo tồn biển theo quy hoạch. 100% các khu công nghiệp, khu đô thị và cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn; 100% chất thải nhựa ven biển được thu gom, xử lý. Đặc khu Phú Quý được đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải.

- *Về văn hóa xã hội*: 100% các di sản văn hóa biển trên địa bàn tỉnh được số hóa; Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh phấn đấu đạt khoảng 0,75⁽⁵⁾; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, có kỹ năng trong các ngành, nghề, lĩnh vực biển đạt trên 45%⁽⁶⁾; 100% cư dân vùng biển được tiếp cận điện, nước sạch, Internet băng rộng và dịch vụ y tế, giáo dục.

- *Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hợp tác quốc tế*: Bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển. Bảo đảm an ninh toàn diện cho Nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển. 100% công trình, dự án

⁽²⁾ Phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (Khóa I) đề ra (Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của tỉnh giai đoạn 2025 - 2030 khoảng 10 - 10,5%; Nghị quyết số 20-NQ/TW đề ra (Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của các địa phương ven biển phấn đấu đạt trên 11%/năm).

⁽³⁾ Theo Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

⁽⁴⁾ Theo Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 26/5/2026 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030.

⁽⁵⁾ Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (Khóa I).

⁽⁶⁾ Theo mục tiêu Nghị quyết số 20-NQ/TW đề ra.

trọng điểm và các công trình biển quan trọng được bảo đảm an ninh, an toàn. Xây dựng và triển khai có hiệu quả phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống. Chủ động, phối hợp thực hiện tốt công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, các cơ chế hợp tác biển và đại dương toàn cầu.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Lâm Đồng trở thành trung tâm biển mạnh, phát triển bền vững dựa trên quản trị biển hiện đại, khoa học, công nghệ biển tiên tiến, là một cực tăng trưởng quan trọng của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân vùng ven biển, đảo được nâng cao toàn diện. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị biển

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong xây dựng và phát triển Lâm Đồng trở thành tỉnh mạnh về biển.

- Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW và Chương trình này; thông tin về biển, đảo; xây dựng và phát triển Lâm Đồng trở thành tỉnh mạnh về biển là chiến lược phát triển lâu dài; từng bước chuyển từ phát triển bền vững kinh tế biển sang xây dựng quốc gia biển mạnh, từ quản lý theo ngành sang quản trị hiện đại, tổng hợp, từ dựa chủ yếu vào tài nguyên sang dựa trên khoa học, công nghệ, dữ liệu, đổi mới sáng tạo và sức mạnh tổng hợp quốc gia.

- Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức biển là không gian phát triển chiến lược, động lực tăng trưởng mới, nơi hội tụ các lợi ích phát triển về kinh tế, quốc phòng, an ninh, khoa học, công nghệ, đối ngoại và hội nhập.

- Kiện toàn mô hình quản lý nhà nước về biển, cơ chế điều phối liên ngành theo hướng dẫn của Trung ương.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động và tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về biển; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong xây dựng và phát triển Lâm Đồng trở thành tỉnh mạnh về biển.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và tổ chức không gian phát triển biển

- Chủ động rà soát, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật của Trung ương về quản lý tổng hợp tài nguyên,

không gian biển; bảo vệ môi trường biển và hải đảo và các lĩnh vực liên quan. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật về biển, thực hiện nghiêm Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Phối hợp rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, kết nối với quy hoạch tỉnh (Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 06/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh), quy hoạch ngành. Tổ chức thực hiện hiệu quả, đồng bộ quy hoạch tỉnh với Quy hoạch không gian biển quốc gia. Hoàn thành phân vùng chức năng sử dụng không gian biển; Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ sau khi có hướng dẫn của Trung ương.

- Thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế tư nhân; nghiên cứu đề xuất, ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với khu kinh tế đặc biệt tỉnh Lâm Đồng; đặc khu Phú Quý và các ngành, lĩnh vực biển có tiềm năng, lợi thế của tỉnh, nhất là hạ tầng logistics, cảng biển, dịch vụ hàng hải, năng lượng tái tạo, thủy sản công nghệ cao, du lịch biển, công nghiệp chế biến và các ngành kinh tế biển mới nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển không gian kinh tế, hạ tầng chiến lược. Khuyến khích các mô hình đầu tư xanh, thông minh, tuần hoàn, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khai thác, sử dụng không gian biển.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục đầu tư liên quan đến lĩnh vực biển, đảo, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, nâng cao năng lực cạnh tranh.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực; phát triển doanh nghiệp biển

- Khởi thông, huy động nguồn lực, ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng chiến lược phục vụ phát triển kinh tế biển, liên kết vùng, khu kinh tế đặc biệt, các khu công nghiệp, các ngành du lịch, năng lượng, logistics,... có tính dẫn dắt, tạo động lực lan tỏa trong phát triển kinh tế biển, kinh tế ven biển và liên kết vùng, đã được xác định trong quy hoạch.

- Xây dựng danh mục dự án trọng điểm biển, ven biển và hải đảo theo từng giai đoạn; thực hiện lựa chọn nhà đầu tư công khai, minh bạch, có năng lực tài chính, công nghệ và quản trị; ưu tiên dự án xanh, tuần hoàn, phát thải thấp, giá trị gia tăng cao; kiên quyết không thu hút dự án công nghệ lạc hậu, tiêu hao tài nguyên, nguy cơ ô nhiễm lớn.

- Phát triển doanh nghiệp biển có năng lực cạnh tranh; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng cảng biển, logistics, đóng tàu, du lịch, nuôi biển, chế biến thủy sản, năng lượng và công nghệ biển; tăng cường liên kết viện - trường - doanh nghiệp và liên kết giữa doanh nghiệp trong tỉnh với tập đoàn trong nước, quốc tế.

- Tập trung rà soát, phân loại và xử lý dứt điểm theo quy định các nguồn lực vùng ven biển, tồn đọng, chậm triển khai, dự án khó khăn vướng mắc, tài sản công sử dụng kém hiệu quả.

- Việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực phải bám sát khả năng cân đối ngân sách, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; ưu tiên công trình hạ tầng thiết yếu, dự án cấp bách về phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các dự án có tác động lan tỏa. Đối với dự án có khả năng thu hồi vốn, đẩy mạnh huy động vốn doanh nghiệp, đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực biển

- Tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhóm nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch hành động số 174-KH/TU, ngày 21/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các hoạt động kinh tế biển; ưu tiên triển khai các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ điều tra cơ bản; quan trắc, giám sát, dự báo môi trường biển; bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái biển; triển khai hệ thống quản trị, giám sát môi trường trên nền tảng số tại các khu kinh tế, khu công nghiệp và cảng biển của tỉnh.

- Phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế biển theo hướng bảo đảm số lượng, chất lượng và cơ cấu phù hợp; ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành kinh tế biển mũi nhọn như logistics, công nghiệp biển, du lịch biển, năng lượng tái tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo lại, chuyển đổi nghề cho lao động vùng ven biển; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; phát triển nguồn lao động kỹ thuật tại chỗ đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển.

- Tăng cường giáo dục về biển và đại dương trong hệ thống giáo dục; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển. Đồng thời, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý nhà nước về biển; có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế biển của tỉnh.

- Hoàn thiện hạ tầng số phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường và phát triển các ngành kinh tế biển; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và tự động hóa trong quản lý, điều hành.

- Ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo (AI) và tự động hóa vào hỗ trợ công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp về phát triển kinh tế biển.

5. Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các lĩnh vực biển mới

- Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số toàn diện các ngành, lĩnh vực biển; ưu tiên thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, đa mục tiêu, hạ tầng dùng chung, gắn với các chiến lược về quốc phòng, an ninh.

- Cơ cấu lại ngành thủy sản theo chuỗi giá trị, hiện đại, bền vững; ban hành cơ chế, chính sách tạo đột phá nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao, sản xuất giống; phát triển cơ sở lưu trữ, bảo quản nguyên liệu thủy sản, chế biến sâu, truy xuất nguồn gốc; ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp nuôi biển công nghệ cao, cảng cá, khu tránh trú bão tàu cá, xây dựng đảo Phú Quý thành trung tâm khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với chợ cá biển quốc gia; kiện toàn, tăng cường năng lực kiểm ngư, thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, chống khai thác IUU.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển du lịch biển, thể thao, chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng cao cấp tại khu vực ven biển. Hình thành các sản phẩm đặc thù như *“hành trình biển - cao nguyên”*, du lịch đặc khu Phú Quý.

- Hoàn thành đề án thành lập Khu kinh tế đặc biệt tỉnh Lâm Đồng, với động lực là năng lượng, cảng biển, logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo. Sớm hoàn thành giải phóng mặt bằng, thực hiện xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp Sơn Mỹ 1, 2; thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.

- Phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng ngoài khơi, LNG và các ngành năng lượng mới theo quy hoạch; hình thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng; bảo đảm yêu cầu an toàn, môi trường, an ninh năng lượng, hạ tầng truyền tải và sự tham gia của doanh nghiệp trong nước trong chuỗi cung ứng.

- Phát triển dịch vụ logistics hàng hải gắn với tăng cường đầu tư, phát triển khu bến Sơn Mỹ, khu bến Vĩnh Tân, bến cảng Phan Thiết, Phú Quý, Kê Gà, Tuy Phong; thu hút đầu tư phát triển trung tâm logistics: Vĩnh Tân, Sơn Mỹ, Phú Quý; kết nối đồng bộ, hiệu quả với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và hàng không.

- Tổ chức thăm dò, khai thác và thu hút đầu tư các dự án chế biến sâu titan và các loại khoáng sản khác, sử dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, bảo vệ môi trường bền vững, bảo đảm phù hợp với quy hoạch khoáng sản quốc gia được phê duyệt, từng bước hình thành trung tâm chế biến sâu titan của quốc gia.

- Nghiên cứu, phát triển các lĩnh vực biển mới có tiềm năng như công nghệ sinh học biển, y - dược biển, khử mặn, điện sóng, hydro và amoniac xanh.

6. Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, mở rộng không gian phát triển và hình thành các trung tâm kinh tế biển

- Ưu tiên hoàn thiện các tuyến đường ven biển, cao tốc, quốc lộ, đường sắt, trục Đông - Tây, kết nối cảng biển - sân bay - khu kinh tế - khu công nghiệp - đô thị theo quy hoạch.

- Phát triển hạ tầng cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, viễn thông, hạ tầng số và hạ tầng xã hội tại các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch và khu dân cư ven biển; gắn phát triển đô thị biển xanh, thông minh, có bản sắc với chống ngập, thích ứng khí hậu và bảo đảm không gian tiếp cận công cộng với biển.

- Tập trung phát triển ba vùng kinh tế - xã hội: Vùng phía Đông Nam Lâm Đồng; Vùng phía Đông Bắc Lâm Đồng; Vùng đặc khu Phú Quý và vùng biển ngoài khơi Lâm Đồng; các hành lang kinh tế: Hành lang Bắc - Nam ven biển; Đông - Tây phía Nam; Đông - Tây trung tâm; Đông - Tây phía Bắc; và các khu vực động lực phát triển: Khu vực Phan Thiết - Phú Thủy - Mũi Né - Tiến Thành - Bình Thuận - Hàm Thuận Nam - Tân Thành - Hòa Thắng; khu vực Hàm Tân - La Gi - Sơn Mỹ; khu vực Tuy Phong - Bắc Bình - Vĩnh Hảo - Lương Sơn - Sông Lũy và khu vực đặc khu Phú Quý và vùng biển ngoài khơi.

- Đầu tư đồng bộ hạ tầng thiết yếu cho Đặc khu Phú Quý; ưu tiên giao thông, năng lượng, nước sạch, viễn thông, y tế, giáo dục, xử lý chất thải, hậu cần nghề cá, tìm kiếm cứu nạn và các công trình lưỡng dụng.

7. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu

- Rà soát, cập nhật, tổ chức thực hiện các phương án bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản; quản lý hiệu quả khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi, hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển; gắn bảo tồn với sinh kế bền vững và du lịch có trách nhiệm.

- Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải; kiểm soát chặt nguồn thải từ đất liền, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; hình thành phân loại tại nguồn, các tiêu chí du lịch xanh.

- Nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo sớm, ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, xói lở, xâm nhập mặn, nước biển dâng; bảo vệ bờ biển, phục hồi và phát triển vành đai sinh thái chắn sóng, rừng phòng hộ; rà soát kịch bản khí hậu đối với đô thị, hạ tầng và công trình ven biển. Thực hiện quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

8. Xây dựng văn hóa biển, nâng cao đời sống Nhân dân và phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân biển

- Bảo tồn, tôn tạo, số hóa và phát huy di sản văn hóa, lịch sử, lễ hội, tri thức bản địa, nghề truyền thống và không gian văn hóa biển; xây dựng sản phẩm văn

hóa - du lịch đặc trưng; phát triển công viên biển, quảng trường biển, không gian công cộng ven biển phù hợp quy hoạch và bảo đảm quyền tiếp cận của cộng đồng.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục, nước sạch, điện, Internet băng rộng, nhà ở và thiết chế văn hóa cho cư dân vùng biển, hải đảo; ưu tiên đặc khu Phú Quý, khu vực xa trung tâm.

- Hỗ trợ ngư dân, người lao động biển chuyển đổi nghề, nâng cao kỹ năng, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm và thị trường; phát triển tổ đội, hợp tác xã, doanh nghiệp cộng đồng; xây dựng cộng đồng cư dân biển tự quản, an toàn, văn minh, tham gia bảo vệ môi trường và chủ quyền.

- Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, hiệp hội, doanh nghiệp và cộng đồng trong phát triển không gian biển, huy động nguồn lực xã hội và thực hiện các phong trào hướng về biển, đảo. Cùng cố thể trận lòng dân trên biển; phát huy vai trò của ngư dân, cư dân biển là chủ thể trực tiếp tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ hướng biển.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển, đảo; tăng cường hợp tác quốc tế

- Kết hợp chặt chẽ quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội với thể trận quốc phòng, an ninh; thẩm định đầy đủ yêu cầu quốc phòng, an ninh, chủ quyền, hàng hải, biên phòng và bảo vệ bí mật nhà nước đối với dự án tại khu vực biển, ven biển, hải đảo.

- Xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật trên biển và lực lượng dân quân biển vững mạnh; tăng cường phối hợp tuần tra, kiểm soát, phòng chống tội phạm, buôn lậu, vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh hàng hải, an ninh cảng biển, năng lượng, hạ tầng số và các công trình trọng yếu.

- Nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, y tế biển, ứng phó sự cố; phát huy vai trò ngư dân, doanh nghiệp vận tải, du lịch và cộng đồng trong bảo vệ chủ quyền, cung cấp thông tin và hỗ trợ lực lượng chức năng trên biển.

- Mở rộng hợp tác quốc tế có trọng tâm trong nghiên cứu biển, công nghệ đại dương, đào tạo, bảo tồn, quản trị biển, du lịch, logistics, năng lượng và ứng phó khí hậu; tăng cường thông tin đối ngoại, pháp luật quốc tế về biển, quảng bá hình ảnh Lâm Đồng và huy động nguồn lực tri thức, công nghệ, đầu tư chất lượng cao.

(Danh mục nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045 được xác định tại Phụ lục kèm theo).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo chung việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động; chỉ đạo việc quán triệt, tuyên truyền, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và yêu cầu phát triển kinh tế biển bền vững. Định kỳ kiểm tra, đôn

độc, sơ kết, tổng kết; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; xem xét, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

2. Đảng uỷ UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh cụ thể hóa Chương trình bằng các kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ trọng tâm theo từng giai đoạn; phân công rõ trách nhiệm các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan; bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện. Chỉ đạo lồng ghép nội dung phát triển kinh tế biển, ven biển, đảo vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch đầu tư công, kế hoạch tài chính và các chương trình mục tiêu trên địa bàn tỉnh; chủ động huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp theo quy định.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW và Chương trình của Tỉnh uỷ; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Chỉ đạo định hướng thông tin, tuyên truyền kịp thời các kết quả triển khai; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, tạo đồng thuận trong Nhân dân, nhất là tại các địa bàn triển khai dự án, công trình ven biển.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh uỷ, theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trong công tác chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình; tham mưu rà soát, hoàn thiện các cơ chế, quy định, quy chế phối hợp liên quan (nếu cần thiết) nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong phát triển kinh tế biển và ven biển.

5. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tham gia thực hiện Chương trình; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giám sát việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế biển, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, bảo đảm an sinh xã hội, sinh kế bền vững và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng và phát triển Lâm Đồng trở thành tỉnh mạnh về biển.

6. Các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh uỷ căn cứ Chương trình của Tỉnh uỷ và điều kiện thực tiễn xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình, sản phẩm đầu ra, phân công trách nhiệm cụ thể; đưa nội dung triển khai phát triển kinh tế biển, ven biển vào chương trình công tác hằng năm; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các khó khăn, vướng mắc, sai phạm (nếu có) theo thẩm quyền.

7. Chế độ theo dõi, sơ kết, tổng kết và báo cáo: Giao Đảng uỷ UBND tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai, tổng hợp tình hình, kết

quả thực hiện theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp khi cần thiết để bảo đảm phù hợp tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển của tỉnh.

Chương trình này phổ biến đến các chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo);
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương (báo cáo);
- Đảng ủy Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường, đặc khu;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, THKT.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Đặng Hồng Sỹ



PHỤ LỤC

DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG GIAI ĐOẠN 2026 – 2030, TẦM NHÌN 2045

(Kèm theo Chương trình số **40**-CTr/TU, ngày **24** tháng 8 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức Đảng chủ trì, chỉ đạo	Cơ quan, tổ chức Đảng phối hợp	Thời gian thực hiện
I	NHÓM NHIỆM VỤ CHUNG			
1	Kế hoạch thực hiện Chương trình này của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động số 34-CTr/TW.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	Quý III/2026
2	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 20-NQ/TW; Chương trình hành động số 34-CTr/TW về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh và Chương trình này.	Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ	Đảng uỷ MTTQ Việt Nam tỉnh; Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	Quý IV/2026
3	Kiến toàn mô hình quản lý nhà nước về biển, cơ chế điều phối liên ngành theo hướng dẫn của Trung ương.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Nội vụ)	Đảng uỷ MTTQ Việt Nam tỉnh; Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2027
4	Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra các hoạt động, lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm; kiên quyết xử lý nghiêm vi phạm.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Thanh tra tỉnh)	Đảng uỷ MTTQ Việt Nam tỉnh; Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
5	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng	Ủy ban Kiểm tra	Đảng uỷ các sở, ban,	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức Đảng chủ trì, chỉ đạo	Cơ quan, tổ chức Đảng phối hợp	Thời gian thực hiện
	trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển quốc gia biển mạnh.	Tỉnh uỷ	ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	
6	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ kết quả thực hiện Nghị quyết.	Văn phòng Tỉnh uỷ	Đảng uỷ MTTQ Việt Nam tỉnh; Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
7	Tổ chức hội thảo phát triển kinh tế biển tỉnh Lâm Đồng.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	Quý I/2027
II	THỂ CHẾ VÀ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN			
8	Phối hợp với các Bộ ngành Trung ương rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2027
9	Phối hợp rà soát, bổ sung và thực hiện hiệu quả Chiến lược thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
10	Phối hợp với các Bộ ngành Trung ương rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức Đảng chủ trì, chỉ đạo	Cơ quan, tổ chức Đảng phối hợp	Thời gian thực hiện
11	Lập Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
12	Phân vùng chức năng sử dụng không gian biển.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
III	HUY ĐỘNG, PHÁT HUY VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN LỰC			
13	Nghiên cứu đề xuất, ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với khu kinh tế đặc biệt tỉnh Lâm Đồng; đặc khu Phú Quý.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Tài chính)	Văn phòng Tỉnh uỷ; Đảng uỷ MTTQ Việt Nam tỉnh; Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường và đặc khu	2026 - 2030
14	Rà soát, phân loại và xử lý các dự án biển, ven biển tồn đọng, kéo dài, kém hiệu quả.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Tài chính)	Văn phòng Tỉnh uỷ; Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
IV	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, DỮ LIỆU VÀ NHÂN LỰC			
15	Nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao, phát triển các công nghệ tiên tiến về biển và đại dương; khuyến khích phát triển công nghệ lưỡng dụng.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Khoa học và Công nghệ)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
16	Nghiên cứu đầu tư công trình lọc nước biển thành	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ các sở, ban,	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức Đảng chủ trì, chỉ đạo	Cơ quan, tổ chức Đảng phối hợp	Thời gian thực hiện
	nước ngọt kết hợp năng lượng tái tạo, đảm bảo mục tiêu cấp nước bền vững.	(Đảng uỷ Sở Khoa học và Công nghệ)	ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	
17	Phát triển nguồn nhân lực du lịch biển chất lượng cao.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
V	ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ BIỂN			
18	Đề án phát triển du lịch và dịch vụ biển; hình thành các trung tâm, cụm du lịch biển quy mô lớn.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
19	Phát triển dịch vụ logistics hàng hải gắn với tăng cường đầu tư, phát triển khu bến Sơn Mỹ, khu bến Vĩnh Tân, bến cảng Phan Thiết, Phú Quý, Kê Gà, Tuy Phong; thu hút đầu tư phát triển trung tâm logistics: Vĩnh Tân, Sơn Mỹ, Phú Quý.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ các Sở: Xây dựng; Công thương)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
20	Phát triển năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển điện gió ngoài khơi, điện mặt trời trên biển và chuyển đổi năng lượng tại các vùng ven biển.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ các Sở: Tài chính, Công Thương)	Đảng uỷ các sở, ngành, xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
21	Xây dựng cơ chế, chính sách tạo đột phá nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao, sản xuất giống, hạ tầng phục vụ nuôi biển.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026-2027
22	Xây dựng Cảng cá Triều Dương gắn với chợ cá biển quốc gia Phú Quý.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Ban quản lý	Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường,	2026 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức Đảng chủ trì, chỉ đạo	Cơ quan, tổ chức Đảng phối hợp	Thời gian thực hiện
		dự án đầu tư xây dựng số 2)	các sở, ngành và đặc khu Phú Quý	
VI	KHU KINH TẾ VEN BIỂN			
23	Đề án thành lập Khu kinh tế đặc biệt tỉnh Lâm Đồng.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh)	Văn phòng Tỉnh uỷ; Đảng uỷ MTTQ Việt Nam tỉnh; Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
VII	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN HỆ SINH THÁI BIỂN, CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU; NÂNG CAO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VEN BIỂN			
24	Xây dựng và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, biến đổi khí hậu và an ninh phi truyền thống.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
25	Lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh Lâm Đồng.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
26	Dự án thành lập Khu bảo tồn biển Phú Quý.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành, đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
27	Đề án kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động lực lượng Kiểm ngư tỉnh Lâm Đồng.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ Sở Nội vụ, các sở, ngành liên quan	2026-2027

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức Đảng chủ trì, chỉ đạo	Cơ quan, tổ chức Đảng phối hợp	Thời gian thực hiện
28	Đề án xây dựng đảo Phú Quý thành trung tâm khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá, kết hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển.	Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Bộ Quốc phòng ⁷	Đảng uỷ UBND tỉnh	2026 - 2030
29	Đầu tư xây dựng các công trình chống sạt lở bờ biển trên địa bàn tỉnh.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
30	Nghiên cứu khu vực nhận chìm vật chất nạo vét trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Khoa học và Công nghệ)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2028
31	Quan trắc môi trường nước biển và trầm tích ven bờ.	Đảng uỷ UBND tỉnh (Đảng uỷ Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	Hàng năm
VIII	XÂY DỰNG VĂN HOÁ BIỂN, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NGƯỜI DÂN, PHÁT HUY SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN BIỂN TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC			
32	Đề án nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, bảo đảm an sinh xã hội người dân vùng biển, đảo.	Đảng uỷ UBND tỉnh	Văn phòng Tỉnh uỷ; Đảng uỷ MTTQ Việt Nam tỉnh; Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030

⁷ Theo Quyết định số 861/TTg ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án xây dựng đảo Phú Quý thành trung tâm khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá, kết hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển.

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức Đảng chủ trì, chỉ đạo	Cơ quan, tổ chức Đảng phối hợp	Thời gian thực hiện
IX	QUỐC PHÒNG - AN NINH			
33	Tăng cường xây dựng thể trận phòng thủ toàn dân và thể trận an ninh nhân dân trên biển vững chắc, gắn chặt với thể trận lòng dân ở các địa phương ven biển, hải đảo.	Đảng uỷ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh	Ban Nội chính; Đảng uỷ UBND tỉnh; Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
34	Tiếp tục củng cố khu vực phòng thủ biển, đảo vững mạnh, liên hoàn, có trọng tâm, trọng điểm; triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với dân sinh, giữa lực lượng quản lý, bảo vệ thực thi pháp luật với ngư dân với phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.	Đảng uỷ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh	Ban Nội chính; Đảng uỷ UBND tỉnh; Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030
35	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo an ninh, an toàn trên biển, bảo vệ các công trình trọng yếu. Tăng cường năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó sự cố; bảo đảm an ninh hàng hải. Phát triển lực lượng dân quân biển, hải đội dân quân thường trực trở thành lực lượng nòng cốt, kiểu mẫu, làm chỗ dựa cho phát triển đội tàu cá hiện đại; hỗ trợ ngư dân bám biển dài ngày, bảo đảm hiện diện dân sự và thực hiện chủ quyền dân sự trên vùng biển của Tổ quốc.	Đảng uỷ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh; Đảng uỷ các sở, ban, ngành; các xã, phường ven biển và đặc khu Phú Quý	2026 - 2030

Ghi chú: Tên cơ quan chủ trì, phối hợp trong Phụ lục được hiểu theo tổ chức bộ máy hiện hành; trường hợp có sắp xếp, đổi tên hoặc chuyển giao chức năng, cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ tiếp tục thực hiện, không làm gián đoạn tiến độ.